

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BÔNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 28-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hồng Danh

2. Ông Ngô Văn Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bông tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Non - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2024/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2024/QĐST-DS ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN VN. **(viết tắt là Ngân hàng A)**

Địa chỉ: Số 02 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H – Phó Giám đốc PTĐH Ngân hàng A, chi nhánh huyện Trà Bông. Ông Phạm Thanh H ủy quyền lại cho ông Đặng Quang H – Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Kế hoạch kinh doanh, Ngân hàng A, chi nhánh huyện Trà Bông. Địa chỉ: Thị trấn Trà X, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 02 năm 2024). (có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1985 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Uy N, thị trấn Ba T, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/01/2020, Ngân hàng A có cho anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H vay số tiền 220.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053, mục đích vay để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng kể từ ký kết đến ngày 13/01/2025. Lãi suất cho vay trong hạn: 13,4%/năm áp dụng trong 06 tháng đầu tiên, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng A có cho anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H vay số tiền 220.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000066, mục đích vay để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 60 tháng kể từ ký kết đến ngày 14/01/2025. Lãi suất cho vay trong hạn: 13,4%/năm áp dụng trong 06 tháng đầu tiên, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh B, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 120.977.000 đồng, Lãi trong hạn: 33.390.646 đồng, lãi quá hạn: 7.101.440 đồng.

Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 117.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 32.946.781 đồng, lãi quá hạn: 6.949.877 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/5/2024, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 và 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2023, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H trình bày: Anh, chị đồng ý có vay của Ngân hàng A theo hai hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 và số 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020, với tổng số tiền nợ gốc là 440.000.000 đồng. Nay Ngân hàng A yêu cầu anh, chị trả nợ thì anh, chị đồng ý.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự: đúng theo quy định của pháp luật; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các

tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN VN.

+ Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 120.977.000 đồng, Lãi trong hạn: 33.390.646 đồng, lãi quá hạn: 7.101.440 đồng.

+ Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 117.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 32.946.781 đồng, lãi quá hạn: 6.949.877 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/5/2024, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 và 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về dân sự phát sinh theo thỏa thuận giữa Ngân hàng NN VN và anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H về hợp đồng dân sự vay số tiền giữa cá nhân và tổ chức tín dụng. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về dân sự giữa Ngân hàng NN VN và bị đơn là anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H, có địa chỉ tại: Tổ dân phố Uy N, thị trấn Ba T, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức nên nguyên đơn có thể yêu cầu nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết đồng thời nơi hợp đồng được giao kết, thực hiện cũng tại huyện Trà Bồng. Ngoài ra, Tại Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận lựa chọn thẩm quyền giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39 và điểm b, g, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các Thông báo, Giấy triệu tập cho bị đơn. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được UBND thị trấn Ba Tư chứng thực. Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và tính lãi suất kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/5/2024, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ:

Xét giao dịch dân sự giữa Ngân hàng A và anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, chủ thể có đủ đầy năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch dân sự được xác lập bằng văn bản nên giao dịch dân sự này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng A và anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng anh B, chị H vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Hiện số tiền gốc anh B, chị H còn nợ Ngân hàng A là theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 120.977.000 đồng, Lãi trong hạn: 33.390.646 đồng, lãi quá hạn: 7.101.440 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 117.000.000 đồng, lãi trong hạn: 32.946.781 đồng, lãi quá hạn: 6.949.877 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có căn cứ cần được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/5/2024, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 và 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (318.365.744 đồng), là 15.918.287 đồng

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN VN.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng NN VN theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 120.977.000 đồng, lãi trong hạn: 33.390.646 đồng, lãi quá hạn: 7.101.440 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 161.469.086 đồng (một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn không trăm tám sáu đồng).

Buộc anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng NN VN theo hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 gồm nợ gốc 117.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 32.946.781 đồng, lãi quá hạn: 6.949.877 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi: 156.896.658 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/5/2024, anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4504LAV202000053 ngày 14/01/2020 và 4504LAV202000066 ngày 15/01/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn B, chị Phạm Thị H phải chịu 15.918.287 đồng (mười lăm triệu chín trăm mười tám nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng NN VN số tiền 7.025.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) do đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm (ông Lê Hoàng Phong – Ngân hàng NN VN, chi nhánh huyện Trà Bồng nộp thay), theo Bên lai số 0000553 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- Chi cục THADS huyện Trà Bồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Minh Thuận

